

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học: Mạch điện (22804010)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 33

Số tờ giấy thi: 33

| STT | Mã SV      | Họ và Tên             | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-----------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2123050046 | Nguyễn Văn Bắc        | 15/02/2005 | CCQ2305A | 1           | Bắc       | 8.0        | 8.5         | 8.3     |
| 2   | 2123050061 | Huỳnh Dương Bình      | 08/04/2004 | CCQ2305B | 1           | Bình      | 5.4        | 6.5         | 6.1     |
| 3   | 2123050060 | Lê Văn Cang           | 19/08/2005 | CCQ2305B | 1           | Cang      | 8.2        | 9.5         | 9.0     |
| 4   | 2123050044 | Lê Thế Chung          | 07/08/2005 | CCQ2305A | 1           | Chung     | 5.9        | 10          | 8.4     |
| 5   | 2123050188 | Châu Du Dân           | 18/05/2005 | CCQ2305A | 1           | Du        | 5.1        | 9.0         | 7.4     |
| 6   | 2123050054 | Nguyễn Lộc Ngọc Đăng  | 24/07/2005 | CCQ2305B | 1           | Đăng      | 5.3        | 10          | 8.4     |
| 7   | 2123050084 | Lê Văn Danh           | 10/11/1997 | CCQ2305B | 1           | Danh      | 7.2        | 9.5         | 8.6     |
| 8   | 2123050072 | Võ Quang Đạt          | 01/11/2005 | CCQ2305B | 1           | Dat       | 8.5        | 8.0         | 8.2     |
| 9   | 2123050184 | Tô Tiến Dũng          | 25/09/2005 | CCQ2305A | 1           | Dung      | 4.7        | 5.5         | 5.2     |
| 10  | 2123050036 | Nguyễn Quốc Duy       | 11/02/2005 | CCQ2305A | 1           | Duy       | 7.2        | 8.0         | 8.0     |
| 11  | 2123050019 | Nguy Thành Giảng      | 01/05/2005 | CCQ2305A | 1           | Giảng     | 8.3        | 9.0         | 8.7     |
| 12  | 2123050058 | Bùi Minh Hải          | 07/10/2005 | CCQ2305B | 1           | Hai       | 6.4        | 8.5         | 7.6     |
| 13  | 2123050155 | Đinh Long Hồ          | 16/07/2005 | CCQ2305B |             |           | 0.0        |             |         |
| 14  | 2123050008 | Nguyễn Thái Hòa       | 02/06/2005 | CCQ2305A | 1           | Hoa       | 8.8        | 9.0         | 8.9     |
| 15  | 2123050082 | Phan Hữu Hội          | 21/09/2005 | CCQ2305B | 1           | Hoi       | 6.8        | 6.0         | 6.3     |
| 16  | 2123050010 | Nguyễn Thế Hùng       | 24/04/2004 | CCQ2305A | 1           | Hung      | 6.1        | 6.0         | 6.1     |
| 17  | 2123050057 | Trần Phúc Hưng        | 18/08/2005 | CCQ2305B | 1           | Hung      | 8.1        | 9.5         | 8.9     |
| 18  | 2123050011 | Huỳnh Tường Huy       | 11/10/2005 | CCQ2305A | 1           | Huy       | 7.7        | 9.5         | 8.8     |
| 19  | 2123050004 | Nguyễn Quốc Hoàng     | 15/09/2005 | CCQ2305A | 1           | Hoang     | 6.6        | 9.5         | 8.4     |
| 20  | 2123050079 | Phùng Nhất Huy        | 30/07/2005 | CCQ2305B | 1           | Huy       | 7.6        | 9.0         | 8.4     |
| 21  | 2123050074 | Nguyễn Văn Kha        | 13/07/2004 | CCQ2305B | 1           | Kha       | 6.5        | 9.5         | 8.3     |
| 22  | 2123050178 | Trần Duy Khang        | 20/08/2004 | CCQ2305A | 1           | Khang     | 5.5        | 9.0         | 7.6     |
| 23  | 2123050077 | Đỗ Minh Khoa          | 15/01/2005 | CCQ2305B | 1           | Khoa      | 6.6        | 10          | 8.6     |
| 24  | 2123050083 | Nguyễn Trần Đăng Khoa | 30/08/2005 | CCQ2305B | 1           | Khoa      | 6.3        | 9.5         | 8.2     |
| 25  | 2123050015 | Đỗ Tuấn Kiệt          | 20/04/2005 | CCQ2305A | 1           | Kiet      | 7.3        | 10          | 8.9     |
| 26  | 2123050089 | Huỳnh Văn Lâm         | 10/10/2005 | CCQ2305B | 1           | Lam       | 6.7        | 8.0         | 7.5     |
| 27  | 2123050073 | Lâm Gia Long          | 20/04/2005 | CCQ2305B | 1           | Long      | 9.1        | 9.5         | 9.4     |
| 28  | 2123050052 | Nguyễn Thành Luân     | 05/09/2005 | CCQ2305B | 1           | Luon      | 5.4        | 2.0         | 3.3     |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Mạch điện (22804010)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A201

Số SV có mặt: 33

Số bài thi: 34

Số tờ giấy thi: 33

| STT | Mã SV      | Họ và Tên  |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP |
|-----|------------|------------|--------|------------|----------|----------------|-----------|---------------|----------------|------------|
| 29  | 2123050078 | Bùi Đình   | Luật   | 20/10/2002 | CCQ2305B | 1              | Buoi      | 7.7           | 9.5            | 8.8        |
| 30  | 2123050020 | Đạt Ngọc   | Lý     | 15/05/2005 | CCQ2305A | 1              | dat       | 5.6           | 5.0            | 5.2        |
| 31  | 2123050007 | Vũ Văn     | Mạnh   | 25/09/2005 | CCQ2305A | 1              | Manh      | 7.6           | 5.5            | 6.4        |
| 32  | 2123050069 | Bùi Đại    | Nghĩa  | 12/08/1998 | CCQ2305B | 1              | Nghia     | 8.7           | 9.5            | 9.2        |
| 33  | 2123050053 | Đình Quang | Nghiệp | 23/08/2005 | CCQ2305B | 1              | Nghiep    | 7.3           | 9.0            | 8.3        |
| 34  | 2123050070 | Phạm Trọng | Nhân   | 15/07/2005 | CCQ2305B | 1              | Pham      | 7.8           | 8.0            | 7.9        |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Mạch điện (22804010)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: 29

Số bài thi: 29

Số tờ giấy thi: 29

Ưu Đình  
Phạm Thị  
Trần Thị Hoàng  
Nguyễn T. Tiến

| STT | Mã SV      | Họ và Tên          |        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP |
|-----|------------|--------------------|--------|------------|----------|----------------|-----------|---------------|----------------|------------|
| 1   | 2120050052 | Son                | Nhi    | 22/11/2002 | CCQ2005B | 1              | Son       | 5.6           | 9.0            | 7.6        |
| 2   | 2123050194 | Hán Ngọc           | Phiếu  | 17/03/2005 | CCQ2305B | 1              | Hán       | 7.9           | 8.0            | 8.0        |
| 3   | 2123050051 | Bùi Hải            | Phong  | 10/02/2005 | CCQ2305B | 1              | Phong     | 6.3           | 9.5            | 8.2        |
| 4   | 2123050063 | Cao Xuân           | Phong  | 24/10/2005 | CCQ2305B | 1              | Phong     | 6.0           | 8.5            | 7.5        |
| 5   | 2123050033 | Phạm Đình          | Phúc   | 23/09/2005 | CCQ2305A |                |           | 0.0           |                |            |
| 6   | 2123050091 | Trần Anh           | Quân   | 26/12/2005 | CCQ2305B | 1              | Quân      | 7.1           | 9.5            | 8.6        |
| 7   | 2123050032 | Phạm Minh          | Qui    | 03/03/2004 | CCQ2305A | 1              | Qui       | 9.4           | 9.5            | 9.5        |
| 8   | 2123050028 | Nguyễn Minh        | Sang   | 03/06/2005 | CCQ2305A | 1              | Sang      | 8.0           | 9.0            | 8.6        |
| 9   | 2123050067 | Nguyễn Đoàn Trường | Son    | 28/10/2005 | CCQ2305B | 1              | Son       | 6.9           | 8.0            | 7.6        |
| 10  | 2123050009 | Nguyễn Thái        | Son    | 02/06/2005 | CCQ2305A | 1              | Son       | 8.6           | 4.0            | 5.9        |
| 11  | 2120050058 | Vũ Đức             | Tài    | 15/10/2001 | CCQ2005B | 1              | Tài       | 7.6           | 9.5            | 8.8        |
| 12  | 2123050055 | Trần Thanh         | Tâm    | 30/10/2005 | CCQ2305B | 1              | Tâm       | 4.2           | 4.0            | 4.1        |
| 13  | 2123050045 | Hồ Thanh           | Tấn    | 10/08/2005 | CCQ2305A | 1              | Tấn       | 7.0           | 9.0            | 8.2        |
| 14  | 2123050040 | Võ Chi             | Thanh  | 06/03/2005 | CCQ2305A | 1              | Thanh     | 3.8           | 3.0            | 3.3        |
| 15  | 2123050034 | Phạm Hoàn          | Thiện  | 19/01/2005 | CCQ2305A | 1              | Thiện     | 4.6           | 2.5            | 3.3        |
| 16  | 2123050075 | Nguyễn Hoài        | Thịnh  | 08/05/2005 | CCQ2305B | 1              | Thịnh     | 7.7           | 9.0            | 8.5        |
| 17  | 2123050068 | Nguyễn Trung       | Thoại  | 07/01/2005 | CCQ2305B | 1              | Thoại     | 8.4           | 9.5            | 9.0        |
| 18  | 2123050059 | Cao Thiên          | Thông  | 10/04/2005 | CCQ2305B | 1              | Phong     | 8.4           | 9.5            | 9.1        |
| 19  | 2123050185 | Nguyễn Chi         | Thông  | 17/08/2002 | CCQ2305A | 1              | Chi       | 5.2           | 9.5            | 7.8        |
| 20  | 2123050039 | Trương Truyền      | Thống  | 14/07/2005 | CCQ2305A |                |           | 0.0           |                |            |
| 21  | 2123050047 | Nguyễn             | Toàn   | 21/04/2005 | CCQ2305A | 1              | Toàn      | 8.5           | 9.5            | 9.1        |
| 22  | 2123050056 | Nguyễn Công        | Trí    | 28/06/2005 | CCQ2305B | 1              | Trí       | 5.0           | 4.5            | 4.7        |
| 23  | 2123050042 | Nguyễn Văn         | Trí    | 24/08/2005 | CCQ2305A | 1              | Trí       | 5.0           | 5.5            | 5.3        |
| 24  | 2123050030 | Trần Hưng          | Trung  | 23/07/2005 | CCQ2305A | 1              | Trung     | 7.5           | 9.5            | 8.7        |
| 25  | 2123050029 | Kiều Đan           | Trường | 18/06/2005 | CCQ2305A | 1              | Đan       | 6.0           | 7.0            | 6.6        |
| 26  | 2121150064 | Nguyễn Đình        | Tú     | 09/09/2002 | CCQ2115B | 1              | Tú        | 4.3           | 8.0            | 6.5        |
| 27  | 2123050005 | Nguyễn Huy         | Tú     | 31/08/2005 | CCQ2305A | 1              | Tú        | 7.8           | 9.0            | 8.5        |
| 28  | 2123050031 | Hồ Việt Quốc       | Tuấn   | 27/11/2005 | CCQ2305A |                |           | 0.0           |                |            |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

*Trần Văn Hùng*    *Trần Văn Hùng*    *Trần Văn Hùng*    *Trần Văn Hùng*

Môn học: Mạch điện (22804010)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A205

Số SV có mặt: *29*  
Số bài thi: *29*  
Số tờ giấy thi: *29*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên    |       | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV          | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP |
|-----|------------|--------------|-------|------------|----------|----------------|--------------------|---------------|----------------|------------|
| 29  | 2123050066 | Lê Anh       | Tuấn  | 22/08/2005 | CCQ2305B | 1              | <i>[Signature]</i> | 7.1           | 8.0            | 7.7        |
| 30  | 2123050081 | Tô Quốc      | Tuyển | 13/09/2005 | CCQ2305B |                |                    | 6.2           |                |            |
| 31  | 2123050071 | Nguyễn Anh   | Văn   | 29/04/2005 | CCQ2305B | 1              | <i>Văn</i>         | 6.5           | 4.5            | 5.5        |
| 32  | 2123050027 | Nguyễn Triệu | Vỹ    | 28/11/2005 | CCQ2305A | 1              | <i>[Signature]</i> | 8.4           | 9.5            | 9.1        |
| 33  | 2123050049 | Nguyễn Công  | Ý     | 14/07/2005 | CCQ2305B | 1              | <i>Ý</i>           | 6.5           | 7.0            | 6.8        |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Mạch điện (22804011)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 32

Số bài thi: 32

Số tờ giấy thi: 32

Ng Việt Khun  
phạm TN như  
Trần Xé Hany  
tôn TIL

| STT | Mã SV                 | Họ và Tên                 | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|-----------------------|---------------------------|-----------------------|---------------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2123050181            | Đỗ Phạm Nhật An           | 04/05/2005            | CCQ2305D            | 1           | An        | 7.4        | 8.0         | 7.7     |
| 2   | 2123050162            | Nguyễn Ngọc Gia Bảo       | 29/10/2005            | CCQ2305D            | 1           | Bao       | 6.0        | 5.5         | 5.7     |
| 3   | 2123050142            | Đỗ Thanh Cao              | 22/06/2005            | CCQ2305D            | 1           | Cao       | 6.8        | 4.5         | 5.4     |
| 4   | <del>2123050094</del> | <del>Đinh Hoàng Chí</del> | <del>11/10/2004</del> | <del>CCQ2305C</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 5   | 2122050082            | Đoàn Đông Cơ              | 16/06/2004            | CCQ2205C            | 1           | Cơ        | 5.1        | 8.0         | 6.8     |
| 6   | 2123050133            | Hán Nhật Cương            | 31/07/2005            | CCQ2305C            | 1           | Cuong     | 6.0        | 8.5         | 7.5     |
| 7   | 2123050151            | Nguyễn Bá Đạt             | 29/12/2005            | CCQ2305A            | 1           | Dat       | 6.1        | 2.0         | 3.6     |
| 8   | 2123050171            | Não Văn Diên              | 02/05/2005            | CCQ2305D            | 1           | Dieu      | 5.4        | 01          | 2.7     |
| 9   | 2123050189            | Lê Thanh Đồng             | 18/06/2005            | CCQ2305D            | 1           | Doanh     | 6.6        | 9.0         | 8.1     |
| 10  | 2123050115            | Trương Quốc Dũng          | 19/05/2005            | CCQ2305C            | 1           | Dung      | 7.1        | 9.0         | 8.3     |
| 11  | 2123050167            | Đặng Đức Duy              | 08/11/2005            | CCQ2305D            | 1           | Duy       | 7.2        | 6.5         | 6.8     |
| 12  | 2123050140            | Nguyễn Phạm Mạnh Duy      | 30/09/2005            | CCQ2305D            | 1           | Duy       | 5.0        | 3.5         | 4.1     |
| 13  | 2123050149            | Đặng Vũ Hải               | 17/07/2005            | CCQ2305D            | 1           | Hai       | 7.0        | 3.0         | 4.6     |
| 14  | 2123050139            | Trần Đức Hải              | 01/06/2005            | CCQ2305C            | 1           | Hai       | 6.9        | 7.0         | 7.0     |
| 15  | 2123050146            | Lê Tuấn Hào               | 21/12/2005            | CCQ2305D            | 1           | Hao       | 5.4        | 5.0         | 5.2     |
| 16  | 2123050134            | Bá Trung Hiếu             | 05/08/2005            | CCQ2305C            | 1           | Hieu      | 7.5        | 9.5         | 8.7     |
| 17  | 2123050136            | Nguyễn Văn Hiếu           | 12/03/2005            | CCQ2305C            | 1           | Hieu      | 8.9        | 10          | 9.6     |
| 18  | 2123050128            | Trần Duy Hiếu             | 14/11/2005            | CCQ2305C            | 1           | Hieu      | 8.3        | 8.5         | 8.4     |
| 19  | 2123050145            | Trần Võ Hiếu              | 01/04/2005            | CCQ2305D            | 1           | Hieu      | 5.2        | 4.0         | 4.5     |
| 20  | 2123050186            | Nguyễn Ngọc Hòa           | 23/10/2005            | CCQ2305C            | 1           | Hoa       | 8.5        | 8.5         | 8.5     |
| 21  | 2123050092            | Phạm Ngọc Huân            | 21/04/2005            | CCQ2305C            | 1           | Huan      | 5.4        | 5.0         | 5.2     |
| 22  | 2123050099            | Nguyễn Thanh Hùng         | 17/06/2003            | CCQ2305C            | 1           | Hung      | 8.4        | 10          | 9.4     |
| 23  | <del>2123050170</del> | <del>Nguyễn Thế Huy</del> | <del>20/11/2005</del> | <del>CCQ2305D</del> |             |           | 0.0        |             |         |
| 24  | 2123050153            | Nguyễn Võ Trí Huy         | 25/12/2005            | CCQ2305D            | 1           | Huy       | 5.3        | 2.5         | 3.6     |
| 25  | 2120060043            | Đổng Duy Huynh            | 11/03/2002            | CCQ2006B            | 1           | Huynh     | 6.7        | 8.5         | 7.8     |
| 26  | 2123050190            | Trần Hữu Nam Khánh        | 19/11/2005            | CCQ2305D            | 1           | Khánh     | 7.3        | 4.5         | 5.6     |
| 27  | 2123050110            | Đỗ Tấn Khoa               | 06/11/2005            | CCQ2305C            | 1           | Khoa      | 8.4        | 8.5         | 8.5     |
| 28  | 2123050144            | Nguyễn Văn Lâm            | 31/05/2005            | CCQ2305D            | 1           | Lam       | 5.2        | 2.0         | 3.3     |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học: Mạch điện (22804011)  
Ngày thi: 07/11/2023  
Giờ thi: 14g45  
Phòng thi: A206

Số SV có mặt: 32  
Số bài thi: 32  
Số tờ giấy thi: 32

*(Handwritten signatures and names of examiners and supervisors)*

| STT | Mã SV      | Họ và Tên         | Ngày sinh | Mã lớp     | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|-------------------|-----------|------------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 29  | 2123050172 | Bùi Văn           | Lanh      | 22/08/2005 | CCQ2305D    |           | 0.0        |             |         |
| 30  | 2123050135 | Bá Trung          | Lễ        | 05/08/2005 | CCQ2305C    | 1         | 7.9        | 7.0         | 7.4     |
| 31  | 2123050138 | Phạm Nguyễn Công  | Luân      | 30/01/2005 | CCQ2305C    | 1         | 5.3        | 5.0         | 5.1     |
| 32  | 2123050109 | Lâm Văn           | Lực       | 29/01/2005 | CCQ2305C    | 1         | 9.0        | 9.0         | 9.0     |
| 33  | 2123050169 | Đặng Hoài         | Nam       | 22/08/2005 | CCQ2305D    | 1         | 7.0        | 7.5         | 7.3     |
| 34  | 2123050141 | Vũ Xuân           | Nguyễn    | 16/11/2005 | CCQ2305D    | 1         | 7.9        | 8.0         | 8.0     |
| 35  | 2123050118 | Phạm Nguyễn Hoàng | Nhật      | 17/04/2005 | CCQ2305C    | 1         | 6.9        | 8.0         | 7.5     |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Mạch điện (22804011)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: 31

Số bài thi: 31

Số tờ giấy thi: 31

| STT           | Mã SV                 | Họ và Tên                |                  | Ngày sinh             | Mã lớp              | Số tờ<br>Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP |
|---------------|-----------------------|--------------------------|------------------|-----------------------|---------------------|----------------|-----------|---------------|----------------|------------|
| 1             | 2123050100            | Nguyễn Trung             | Niên             | 16/12/2004            | CCQ2305C            | 1              | Niên      | 6.9           | 4.0            | 5.2        |
| 2             | 2123050126            | Nguyễn Đình              | Ninh             | 24/10/2005            | CCQ2305C            | 1              | Ninh      | 5.1           | 1.0            | 2.6        |
| <del>3</del>  | <del>2123050143</del> | <del>Cao Lâm Triều</del> | <del>Phát</del>  | <del>19/01/2004</del> | <del>CCQ2305D</del> |                |           |               |                |            |
| 4             | 2123050121            | Mai Võ Tuấn              | Phong            | 10/09/2005            | CCQ2305C            | 1              | Phong     | 6.3           | 5.5            | 5.8        |
| 5             | 2123050129            | Bùi Văn                  | Phúc             | 23/03/2005            | CCQ2305C            | 1              | Phúc      | 5.0           | 4.5            | 4.7        |
| 6             | 2123050125            | Nguyễn Hoàng             | Phúc             | 08/09/2005            | CCQ2305C            | 1              | Phúc      | 5.2           | 4.0            | 4.5        |
| 7             | 2123050130            | Nguyễn Thanh             | Phúc             | 25/03/2004            | CCQ2305C            | 1              | Phúc      | 5.1           | 1.5            | 2.9        |
| 8             | 2123050147            | Phạm Huỳnh               | Phúc             | 18/02/2005            | CCQ2305D            | 1              | Phúc      | 6.3           | 3.0            | 4.3        |
| 9             | 2123050166            | Vũ Gia                   | Phúc             | 09/08/2005            | CCQ2305D            | 1              | Phúc      | 5.8           | 2.0            | 3.5        |
| 10            | 2123050095            | Đặng Thanh               | Quân             | 04/01/2005            | CCQ2305C            | 1              | Quân      | 8.3           | 6.5            | 7.2        |
| 11            | 2123050101            | Nguyễn Anh               | Quang            | 25/05/2005            | CCQ2305C            | 1              | Quang     | 7.3           | 9.0            | 8.3        |
| 12            | 2123050107            | Phạm Huỳnh               | Quốc             | 15/11/2005            | CCQ2305C            | 1              | Quốc      | 9.6           | 10             | 9.8        |
| <del>13</del> | <del>2123050117</del> | <del>Lê Ngọc</del>       | <del>Quý</del>   | <del>16/01/2005</del> | <del>CCQ2305C</del> |                |           | 5.1           |                |            |
| 14            | 2123050158            | Quảng Đại                | Sang             | 19/10/2005            | CCQ2305D            | 1              | Sang      | 8.9           | 6.5            | 7.5        |
| 15            | 2123050090            | Đỗ Nhật                  | Tân              | 19/04/2005            | CCQ2305C            | 1              | Tân       | 5.9           | 5.0            | 5.4        |
| 16            | 2123050157            | Trương Ngọc              | Thái             | 04/09/2005            | CCQ2305D            | 1              | Thái      | 8.5           | 9.5            | 9.1        |
| 17            | 2123050120            | Đặng Mậu                 | Thành            | 15/06/2005            | CCQ2305C            | 1              | Thành     | 8.6           | 6.5            | 7.4        |
| 18            | 2123050191            | Võ Triệu                 | Thiên            | 01/05/2005            | CCQ2305D            | 1              | Thiên     | 9.5           | 8.5            | 8.9        |
| 19            | 2123050097            | Nguyễn Văn               | Thông            | 01/11/2005            | CCQ2305C            | 1              | Thông     | 7.2           | 9.0            | 8.3        |
| <del>20</del> | <del>2123050176</del> | <del>Trần Thiên</del>    | <del>Thuận</del> | <del>05/07/2005</del> | <del>CCQ2305D</del> |                |           | 5.6           |                |            |
| 21            | 2123050187            | Phạm Công                | Tiến             | 20/04/2005            | CCQ2305D            | 1              | Tiến      | 7.1           | 9.0            | 8.3        |
| 22            | 2123050132            | Nguyễn Đức               | Toàn             | 17/02/2003            | CCQ2305C            | 1              | Toàn      | 6.0           | 9.5            | 8.1        |
| 23            | 2123050163            | Nguyễn Minh              | Toàn             | 18/12/2005            | CCQ2305D            | 1              | Toàn      | 4.0           | 1.0            | 2.2        |
| 24            | 2123050102            | Nguyễn Quốc              | Toàn             | 05/05/2005            | CCQ2305C            | 1              | Toàn      | 8.5           | 9.0            | 8.8        |
| 25            | 2123050161            | Trần Đàm                 | Triết            | 01/01/2005            | CCQ2305D            | 1              | Triết     | 5.6           | 1.0            | 2.8        |
| 26            | 2123050114            | Trần Minh                | Trọng            | 22/12/2005            | CCQ2305C            | 1              | Trọng     | 5.2           | 9.0            | 7.5        |
| 27            | 2123050164            | Nguyễn Lê Thành          | Trung            | 19/06/2005            | CCQ2305D            | 1              | Trung     | 7.2           | 7.0            | 7.1        |
| 28            | 2123050148            | Bùi Đan                  | Trường           | 13/04/2005            | CCQ2305D            | 1              | Trường    | 7.5           | 6.0            | 6.6        |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI**

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1    Cán bộ coi thi 2    G.Viên chấm thi 1    G.Viên chấm thi 2

Môn học: Mạch điện (22804011)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: A301

Số SV có mặt: 31..

Số bài thi: ...3.1...

Số tờ giấy thi: 3.1..

*Handwritten signatures and notes:*  
Huỳnh...  
Đoàn...  
Đoàn...  
Trần...  
TTLN

| STT | Mã SV      | Họ và Tên        | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 29  | 2123050093 | Bùi Duy Tuấn     | 12/12/2005 | CCQ2305C | 1           | Tuấn      | 8.8        | 9.5         | 9.2     |
| 30  | 2123050123 | Trần Nhật Trường | 12/08/2005 | CCQ2305C | 1           | Trường    | 7.8        | 9.0         | 8.5     |
| 31  | 2123050159 | Châu Ngọc Tuy    | 05/01/2005 | CCQ2305D | 1           | Tuy       | 8.9        | 7.5         | 6.1     |
| 32  | 2123050154 | Lê Tiến Anh Việt | 03/07/2005 | CCQ2305D | 1           | Việt      | 6.2        | 3.0         | 4.3     |
| 33  | 2123050103 | Nông Văn Vinh    | 23/02/2005 | CCQ2305C |             |           | 5.0        |             |         |
| 34  | 2123050156 | Trịnh Minh Vọng  | 07/02/2005 | CCQ2305D | 1           | Vọng      | 6.1        | 5.5         | 5.8     |
| 35  | 2123050106 | Phạm Long Vũ     | 13/02/2005 | CCQ2305C | 1           | Vũ        | 8.6        | 7.0         | 7.7     |

# DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2023-2024)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Mạch điện (22804013)

Ngày thi: 07/11/2023

Giờ thi: 14g45

Phòng thi: D7-38

Số SV có mặt: 35

Số bài thi: 35

Số tờ giấy thi: 35

| STT | Mã SV      | Họ và Tên           | Ngày sinh  | Mã lớp   | Số tờ Mã đề | Chữ ký SV | Đ.QT (40%) | Đ.Thi (60%) | Điểm HP |
|-----|------------|---------------------|------------|----------|-------------|-----------|------------|-------------|---------|
| 1   | 2123060180 | Huỳnh Tuấn An       | 23/08/2005 | CCQ2306A | 1           | Huỳnh     | 7.1        | 6.5         | 6.8     |
| 2   | 2123060211 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh | 16/12/2005 | CCQ2306A | 1           | Ánh       | 7.3        | 8.0         | 7.7     |
| 3   | 2123060105 | Nguyễn Hữu Bách     | 17/10/2005 | CCQ2306A | 1           | Bách      | 6.4        | 9.5         | 8.3     |
| 4   | 2123060183 | Võ Thái Bình        | 02/01/2005 | CCQ2306A | 1           | Bình      | 9.3        | 9.5         | 9.4     |
| 5   | 2123060025 | Hoàng Ngọc Bộ       | 29/11/2005 | CCQ2306A | 1           | Bộ        | 7.8        | 9.5         | 8.8     |
| 6   | 2123060038 | Tân Ngọc Thanh Châu | 29/07/2005 | CCQ2306A | 1           | Châu      | 6.8        | 8.5         | 7.8     |
| 7   | 2123060096 | Nguyễn Quốc Chiến   | 28/01/2004 | CCQ2306A | 1           | Chiến     | 7.4        | 10          | 9.0     |
| 8   | 2123060012 | Nguyễn Văn Công     | 03/12/2005 | CCQ2306A | 1           | Công      | 7.9        | 9.0         | 8.6     |
| 9   | 2123060050 | Cao Thành Danh      | 23/11/2005 | CCQ2306A | 1           | Danh      | 7.0        | 10          | 8.8     |
| 10  | 2123060113 | Nguyễn Tấn Đạt      | 23/06/2005 | CCQ2306A | 1           | Đạt       | 7.0        | 5.5         | 6.1     |
| 11  | 2123060119 | Huỳnh Văn Đức       | 07/03/2005 | CCQ2306A | 1           | Đức       | 8.8        | 9.5         | 9.2     |
| 12  | 2123060108 | Võ Trần Đông Duy    | 11/06/2005 | CCQ2306A | 1           | Duy       | 5.5        | 10          | 8.2     |
| 13  | 2123060193 | Đặng Cao Hiếu       | 22/09/2004 | CCQ2306A | 1           | Hiếu      | 5.6        | 8.5         | 7.3     |
| 14  | 2123060208 | Thái Nhật Hoàng     | 09/07/2005 | CCQ2306A | 1           | Hoàng     | 5.2        | 8.0         | 6.9     |
| 15  | 2123060182 | Nguyễn Văn Hùng     | 27/12/2002 | CCQ2306A | 1           | Hùng      | 8.8        | 9.5         | 9.2     |
| 16  | 2123060173 | Hoàng Lưu Tấn Huy   | 04/04/2005 | CCQ2306A | 1           | Huy       | 8.5        | 8.5         | 8.5     |
| 17  | 2123060076 | Nguyễn Đức Huy      | 09/12/2005 | CCQ2306A | 1           | Huy       | 0.0        |             |         |
| 18  | 2121150052 | Lưu Đức Khang       | 10/06/2003 | CCQ2115B | 1           | Khang     | 8.4        | 8.0         | 8.1     |
| 19  | 2123060127 | Đặng Anh Khoa       | 15/08/2004 | CCQ2306A | 1           | Khoa      | 6.8        | 10          | 8.7     |
| 20  | 2123060210 | Ngọc Văn Nghị       | 01/04/2005 | CCQ2306A | 1           | Nghị      | 7.5        | 9.5         | 8.7     |
| 21  | 2123060174 | Phạm Hồ Xuân Nghiên | 06/09/2005 | CCQ2306A | 1           | Nghiên    | 5.9        | 5.5         | 5.6     |
| 22  | 2123060160 | Nguyễn Hồ Thanh Nhã | 23/03/2005 | CCQ2306A | 1           | Nhã       | 6.5        | 7.5         | 7.1     |
| 23  | 2123060086 | Hồ Văn Nhuận        | 01/10/2005 | CCQ2306A | 1           | Nhuận     | 8.6        | 7.5         | 8.0     |
| 24  | 2123060200 | Lê Văn Phi          | 30/10/2005 | CCQ2306A | 1           | Phi       | 8.9        | 9.0         | 9.0     |
| 25  | 2123060065 | Hoàng Công Phong    | 13/04/2005 | CCQ2306A | 1           | Phong     | 8.9        | 10          | 9.6     |
| 26  | 2123060152 | Nguyễn Thanh Phong  | 08/10/2005 | CCQ2306A | 1           | Phong     | 0.0        |             |         |
| 27  | 2123060177 | Đàm Quang Phú       | 19/05/2005 | CCQ2306A | 1           | Phú       | 8.8        | 8.0         | 8.3     |
| 28  | 2123060002 | Hồ Hoàng Phúc       | 12/03/2005 | CCQ2306A | 1           | Phúc      | 7.6        | 7.0         | 7.3     |

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI  
Học kỳ 1 (2023-2024)

Môn học: Mạch điện (22804013)  
Ngày thi: 07/11/2023  
Giờ thi: 14g45  
Phòng thi: D7-38

Cán bộ coi thi 1: *Huỳnh*  
Cán bộ coi thi 2: *Phạm Văn Sơn*  
G.Viên chấm thi 1: *Trần Kế Hoàng*  
G.Viên chấm thi 2: *Trần TT*

Số SV có mặt: 35...  
Số bài thi: ...35...  
Số tờ giấy thi: ...35

| STT           | Mã SV                 | Họ và Tên             | Ngày sinh      | Mã lớp                | Số tờ<br>Mã đề      | Chữ ký SV | Đ.QT<br>(40%) | Đ.Thi<br>(60%) | Điểm<br>HP |     |
|---------------|-----------------------|-----------------------|----------------|-----------------------|---------------------|-----------|---------------|----------------|------------|-----|
| 29            | 2123060080            | Lê Mạnh               | Quỳnh          | 16/07/2005            | CCQ2306A            | 1         | Chánh         | 7.1            | 8.0        | 7.6 |
| 30            | 2123060022            | Lê Hoàng              | Thắng          | 11/01/2005            | CCQ2306A            | 1         | Hoàng         | 6.3            | 9.5        | 8.5 |
| 31            | 2123060201            | Phạm Quang            | Thành          | 08/12/2005            | CCQ2306A            | 1         | Phạm          | 5.6            | 3.0        | 4.1 |
| 32            | 2123060150            | Phạm Như              | Thảo           | 27/01/2005            | CCQ2306A            | 1         | Phạm          | 5.5            | 8.0        | 7.0 |
| 33            | 2123060192            | Nguyễn Duy            | Thiện          | 03/05/2004            | CCQ2306A            | 1         | Chiến         | 8.6            | 7.5        | 7.9 |
| 34            | 2123060175            | Nguyễn Văn            | Thịnh          | 07/01/2005            | CCQ2306A            | 1         | Nguyễn        | 7.8            | 7.0        | 7.3 |
| <del>35</del> | <del>2123060197</del> | <del>Phan Thanh</del> | <del>Tin</del> | <del>02/03/2005</del> | <del>CCQ2306A</del> |           |               | 0.0            |            |     |
| 36            | 2123060043            | Hắc Hàng              | Triệu          | 14/07/2005            | CCQ2306A            | 1         | Harry         | 5.0            | 8.0        | 6.8 |
| 37            | 2123060017            | Nguyễn Xuân           | Vinh           | 10/10/2005            | CCQ2306A            | 1         | Vinh          | 5.0            | 9.0        | 7.4 |
| 38            | 2123060013            | Nguyễn Xuân           | Vũ             | 06/12/2005            | CCQ2306A            | 1         | Vũ            | 7.8            | 7.0        | 7.3 |